



Triết lý Thiền là gì, có phải là giáo lý của Phật không, hay là sản phẩm của Trung Hoa? Nhiều học giả ngày nay cho Thiền là kết quả của sự gộp ghép nhiều học giả Phật Giáo vào Đạo giáo Trung Hoa. Nhưng thực ra Thiền chính là một triết học hay là một tôn giáo nghi thức mà là một khoa học thực nghiệm về tâm lý sinh lý, hay đúng hơn một kỹ thuật tu luyện sinh lý tâm lý có tính cách pháp thuật của nhân loại cổ xưa mà Đạo giáo truyền đã sớm qui nhập vào khoa Yoga nhằm ý tìm tòi nhân thân với Tuýt đũa. Chữ Thiền là Hán Việt là phiên âm chữ Phạn(Sanskrit). Dhyana nghĩa đen là định niệm, chữ vào giai đoạn tu luyện thứ 7 trong 8 giai đoạn căn bản của Yoga trong Bà La Môn giáo là :

1. Yama (không thóa mạ , không tham vọng, trong sạch, chân thật, không tội lỗi).
2. Niyama (thân thể sạch sẽ)
3. Asana (ngồi tập : đầu, vai, vòm ngực ngửa xòe rộng thoải mái)
4. Pramayama (đi vào trạng thái định kiềm soát sinh lực)
5. Pratyahara (tinh thần nội hóa, phớt lờ thân thể để tìm hiểu vật thể).

6. Dharama (tập trung tinh thần vào một đối tượng)
7. Dhyana (thiền niệm)
8. Samadhi (giác ngộ, mức đích của công phu tu luyện trên).

Và Đạo sĩ Bà La Môn giáo cũng thích khoa Yoga cũng truy cập như sau :

“Khoa Yoga là một khoa học như các khoa học khác trên thế giới. Nó là một khoa phân tích tinh thần, thu nhập sự kiện của thế giới siêu cảm giác để xây dựng thế giới tâm linh. Tất cả đối với sự phát triển tâm linh trên thế giới đều đã nói:” Ta thấy và ta biết!” Chúa Jesus, Thánh Paul và Thánh Jean đều tuyên bố tri giác của thế vật chân lý tâm linh của các Ngài đầy. Cái tri giác này có thể thế hiện bằng Yoga. Chính phải ký ức hay ý thức có thể giới hạn đối với sự hiện sinh, còn có một trạng thái siêu thế của. Cái siêu thế của không thể là trạng thái không cảm giác thế, như thế có điểm khác nhau lớn này là sự khác nhau giữa sự ngu và sự biết “.

” Tập trung tinh thần là nguồn của tất cả tri thức. Khoa Yoga dạy chúng ta làm chủ thân thể. Yoga nghĩa là niệm, thế là niệm linh hồn người ta với linh hồn tối cao. Tinh thần hành động bên trong và ngoài

ý thức. Cái mà chúng ta gọi là ý thức thì chính là một lực trên cơ thể thang vô hạn của bản tính thiên nhiên của chúng ta ” ” Cái Ta của chúng ta chỉ bao phủ đúng một phần nhỏ ý thức và một kho tàng lớn vô ý thức, còn bên trên và phần nhiều nó không biết được ý là bình diện siêu thế “.

“Chỉ Thiền Ngộ là mức đích của chúng ta, không đặt được thì đi tìm vọng “. (Raja Yoga-Vivekananda)

Trên đây Dhyana của khoa Yoga là trạng thái niệm niệm vào Thiền Ngộ (God) coi như mức đích tối cao để thế hiện, còn Dhyana hay Thiền Phật giáo không phải niệm cá nhân với Thiền Ngộ, mà là để thế ý Thể Tính hay Kiến Tính, thế ý Thể Ngã (Self), thế hiện Tâm Bồ Đề (Bodhi) mà chúng ta hiểu rằng Thiền Ngộ nói trong khoa Yoga của Bà La Môn giáo” không tha thiết đến nghi lễ, đến sùng bái, cũng không chú ý đến đức tin nào vào ” ân điển ” của mình, mà bản thể tự nhiên hợp tác với Thể Tính muốn khai phóng bằng khoa Yoga “,(Patanjali et le Yoga)thì sự niệm tinh thần cá nhân với Thiền Ngộ, và thế hiện Tâm Bồ Đề để thế ý ” Thể Tính ” thế không có gì khác nhau cả. Sự minh của Phật kêu gọi chúng sinh đau khổ vì trầm luân trong vòng luân hồi sinh tử. Để với Phật Thích Ca cũng như để với tất cả truy cập thế Yoga của Phật, thì sự cứu khổ chỉ có thể có được là do sự cứu thế, thế hiện chân lý một cách thế. Để không phải với lý thuyết hay trốn tránh vào con đường khổ hạnh nào, mà phải thế hiểu để thế thế thế niệm chân lý.

Để với Phật Thích Ca người ta chỉ có thể thế cứu bằng cách đặt thế Niết Bàn, nghĩa là vượt thế khổ bình diện kinh nghiệm của nhân loại phạm thế và thâm hóa lý bình diện vô đối với kiến, không hề

Thiền (Sở yếu lòng của Đức Phật)

Tác Giả: Nguyễn Đăng Thích

Chúa Nhật, 21 Tháng 6 Năm 2009 23:06

Đã y. Nhưng Phật không hay đến chỗ phải nhận cái trạng thái vô điều kiện này, sẽ làm xuyên tạc đi. Bởi thế mà Ngài phải nói đến tính của Bà La Môn giáo vì họ thuyết nhiều về cái "Bất khả tư ngh" và vì họ đòi hỏi nghĩa từ Tính(soi). Đối với Phật thì "chỗ trống rỗng của Tội Ngã(Atman) có thật, thế nhưng từ này là quan điểm sai lầm.

Chỗ trống rỗng của Tội Ngã(Atman) không có cũng sai lầm ". Nhưng nếu chúng ta đến chỗ Ngài nói về khả năng thoát vào Niết Bàn, chúng ta thấy gì về họ và họ "Jivanmukta" = "giải thoát khi còn đang sống" trong khoa Yoga của Bà La Môn giáo :

"Kẻ nào có hạnh phúc bên trong, tâm hồn thanh thản yên tĩnh và ánh sáng tâm linh, kẻ này là Đấng Sĩ Yaga, trở nên Phạm Thiên, Đối Ngã(Brahman) và đến từ đời mà linh hồn cá nhân hòa vào trong Đối Hồn(Brahman) ".(Bhagavad-Gita) Nhưng để thấy Phật đã nói tiếp truy cập theo khả năng thanh tịnh(asceti-comystique) của Đức Phật nào. Ngài tin vào sự giải thoát từ đời sống này như người chết từ đời sống nghĩa và sự giải thoát .

Louis de la Vallée Poussin viết :

"Nếu Buddha thực sự không giải thích về hạnh giải thoát, không phải vì bậc Thánh, dù đang sống không có thực mà là vì người ta không thể nói được gì xác thực về bậc Giải thoát ".

Tất cả điều kiện người ta có thể nói về hạnh người giải thoát sống, chính giác là họ không thuộc về thế giới này nữa.

" Như Lai(Tathagata) không thể gọi là vật chất, cảm giác, ý niệm, ý chí, trí thức. Như Lai thâm thúy, vô lượng, thâm thúy như đời đời. Người ta không thể biết Như Lai có, hay không có, và có, và không, không phải có, không phải không ".

Đấy chính là luận điệu bí truyền(mystique) và thanh tịnh của Phật giáo, không, không(neti! neti!) của Áo Nghĩa Thư(Upanisads) . Và chính cái luận điệu về có, và không, và không có, và không phải không có này, là luận điệu để nói về cái thực tại tối cao của Tâm hồn hay sự kiện trực giác của chúng Phật. Khi Phật sống vào Niết Bàn, e rằng người đời mới vào vào lầm lẫn và khiên trở, nên có bậc Văn Thù : Ta già rồi đã 49 năm chờ đợi thanh tịnh từ đời nào. Liệu bậc ta có thuyết gì chẳng

? Nhân tiện tay cầm cành hoa giơ lên, mặt ngài đỏ ửng không hiểu. Chắc có Ca Diếp (Mahakasiapa) tôn giáo nhách miệng mà cười. Phật biết ông hiểu ý tâm họ đem Chánh Pháp Nhân Tông truyền cho. Đây là Tông thiền.

Vì thế mặt ngài là "Tâm tông truyền riêng ngoài giáo lý – Giáo ngài biết truyền chỉ tâm tông đã".

Chính đây là suy nghĩ bằng hùng biện của Phật Thích Ca. Và suy nghĩ này đưa đến triết học Trung Quán Luận (Madhyamika) của Long Thọ Bồ Tát (Nagarjuna) thế kỷ 2 đời đời Thiền học ở Ấn Độ.

Qua suy nghĩ bằng cách Đặt Phấn với cành hoa giơ lên mà Ca Diếp Tôn Giáo hiểu ý của một chân lý tối cao, thì chân lý này là gì? Chắc chắn Phật nói với ngài đã tuyên bố các trường khác họ là "Bất khả thuyết" (avyakṛta). Nhưng với đây là những vấn đề siêu hình có liên quan đến thế giới hiện tượng, đến đời sống tinh thần và vật chất nhân loại. Đây là một số vấn đề không có gì để đáp ứng thu vào bàn luận:

1. Thế giới có mãi, không có mãi, vừa có, vừa không, hay là vừa có vừa không?
2. Thế giới hữu hạn không gian hay vô hạn, vừa hữu hạn, vừa vô hạn, vừa không hữu hạn, vừa không vô hạn?
3. Như Lai (Tathagata) bất diệt hay diệt, hay vừa bất diệt vừa diệt, vừa không bất diệt vừa không diệt?
4. Linh hồn sống như thế nào thân thể, hay khác với thân thể?

Nhưng với trên đây do một đề tài Bà La Môn giáo cổ xưa Phật, Phật chế tạo:

"Chế tạo thế giới có vĩnh cửu, hay bất cứ một quan điểm nào, đây là một rừng rậm chế tạo, một chu kỳ kỳ diệu đau khổ, thất vọng, lo âu, nguy nan và đi vào đây không đưa đến thái độ chế tạo, trừ diệt tham dục, ngộ ngộ yên tĩnh, hiểu biết tối cao, giác ngộ, Niết Bàn". (Văn kiện nguyên thủy của Phật giáo- Ed. J.Thomas- Adyar-Paris 1949)

Như vậy ý nghĩa chân chính về suy nghĩ bằng cách Đặt Phấn không cho phép ta hiểu là "bất khả tri luận" (agnosticisme) như thông thường người ta vẫn lầm tưởng vì bất khả tri luận là một thái độ tuyệt vọng và hoài nghi.

5 / 6

Buddha. Có hai bên đối lập có luận đối lập phủ định (négation) và Tuy nhiên. Khác nhau ở các nhà tiên tri thời Veda là không để ý đến quan điểm triết học và thực tại mà chỉ trừu tượng giác ngộ vào Brahman hay Đại Niết. Họ không ý thức được như Đức Phật và chỉ mâu thuẫn nội tại của lý trí. Bởi thế Phật phải đối phó với những hạn chế suy luận để ngộ thực tại, cho nên đã lấy sự thực lý thuyết làm phương tiện để đến triết học phi danh lý và Tuy nhiên. Cái ý thức và sự mâu thuẫn nội tại của lý trí và sự cố gắng tìm kiếm quy tắc bằng cách vượt lên một bình diện cao hơn lý trí là biện chứng. Và biện chứng pháp là con đường Trung Quán vậy. Upanisad chỉ có luận đối lập là biết cái Tôi Tính (le soi), cái Tôi Niết (atman) thì biết được thực tại và là phương tiện để vượt khỏi giới thoát. Họ lấy là vô minh và Tôi Tính.

Buddha lấy chỉ trừu tượng Tôi Tính, Tôi Niết là đối lập vô minh, mê vọng đối lập tiên của chúng ta. Giác ngộ hay là ý thức và bản tính của đau khổ và nguyên nhân của đau khổ, đây là biết làm cho con người ta được thực tại do vượt khỏi.

Biết của Phật là thực tại, là giác ngộ và quá trình diễn biến của thế giới thực là duyên luật nhân duyên (pratityasamutpada) và vượt lên Tuy nhiên vô đối lập kiên. Đó do là hiểu biết là thực tại, cho nên vô chấp là vượt khỏi, chấp là vô minh.

Nguyễn Đăng Thích

Trích trong ” Thiền Học Việt Nam “